

Số: **1794** /QĐ-BNN-TL

Hà Nội, ngày **09** tháng **5** năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt dự án thành phần số 8: Sửa chữa cấp bách đảm bảo an toàn
đập Thảo Long, tỉnh Thừa Thiên Huế
Thuộc dự án Sửa chữa cấp bách đảm bảo an toàn hồ, đập chứa nước**

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Nghị định của Chính phủ số 105/2022/NĐ-CP ngày 22/12/2022 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13; Luật số 62/2020/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 50/2014/QH13;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/03/2021 Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; số 10/2021/NĐ-CP ngày 9/02/2021 về Quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 Quy định chi tiết một số nội dung và quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ các Quyết định số 3325/QĐ-BNN-KH ngày 23/7/2021; số 1421/QĐ-BNN-KH ngày 07/4/2023 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về phê duyệt, điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Sửa chữa cấp bách đảm bảo an toàn hồ, đập chứa nước;

Căn cứ các đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế tại Văn bản số 3732/UBND-XD ngày 19/4/2023 về việc thẩm định và phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng dự án thành phần số 8: Sửa chữa cấp bách đảm bảo an toàn đập Thảo Long, tỉnh Thừa Thiên Huế thuộc dự án Sửa chữa cấp bách đảm bảo an toàn hồ, đập chứa nước; số 2231/UBND-NN ngày 15/3/2023 về việc đề xuất Chủ đầu tư dự án;

Xét đề nghị của Ban Quản lý Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi 2 tại Tờ trình số 61/TTr-BQL2-KHTĐ ngày 27/04/2023 về việc thẩm định và phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng dự án thành phần số 8: Sửa chữa cấp bách đảm bảo an toàn đập Thảo Long, tỉnh Thừa Thiên Huế thuộc dự án Sửa chữa

cấp bách đảm bảo an toàn hồ, đập chứa nước; kèm theo Báo cáo thẩm tra số 39/BCTT-SAMICO ngày 06/03/2023 của Công ty cổ phần tư vấn đầu tư và xây dựng Sao Mai;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Thủy lợi, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch, kèm theo Báo cáo thẩm định số 485/BC-TL-ĐTXD ngày 08/5/2023 của Cục Thủy lợi.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án thành phần số 8: Sửa chữa cấp bách đảm bảo an toàn đập Thảo Long, tỉnh Thừa Thiên Huế thuộc dự án Sửa chữa cấp bách đảm bảo an toàn hồ, đập chứa nước với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên dự án thành phần: Dự án thành phần số 8: Sửa chữa cấp bách đảm bảo an toàn đập Thảo Long, tỉnh Thừa Thiên Huế thuộc dự án Sửa chữa cấp bách đảm bảo an toàn hồ, đập chứa nước.

2. Người quyết định đầu tư: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

3. Chủ đầu tư: Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng Công trình nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Thừa Thiên Huế.

4. Mục tiêu, nhiệm vụ

Sửa chữa, nâng cấp công trình đập Thảo Long nhằm đảm bảo an toàn công trình, phát huy nhiệm vụ của công trình, chủ động trong công tác quản lý vận hành.

5. Cấp công trình và các chỉ tiêu thiết kế

- Cấp công trình (theo QCVN 04-05:2012/BNNPTNT): Cấp II

- Chỉ tiêu thiết kế:

+ Tần suất lũ thiết kế: $P = 1,0\%$

+ Tần suất lũ kiểm tra: $P = 0,5\%$

6. Quy mô đầu tư xây dựng

6.1. Thông số kỹ thuật chính:

TT	Tên hạng mục	Đơn vị	Thông số
I	Thông tin chung		
-	Mực nước triều lớn nhất	m	+0,7
-	Mực nước triều nhỏ nhất	m	-0,7
-	Mực nước giữ ngọt ở thượng lưu đập:	m	+0,5
II	Đập ngăn mặn		
1	Các khoang điều tiết		
-	Khẩu độ thông thủy (15 khoang đập và âu thuyền) (31,5x15 + 8)	m	480,5

TT	Tên hạng mục	Đơn vị	Thông số
-	Số cửa	Cửa	15
-	Cao trình ngưỡng 6 khoang bờ Bắc	m	-1,5
-	Cao trình ngưỡng 9 khoang bờ Nam	m	-2,5
-	Cao trình sân thượng lưu các khoang ngưỡng (-1,5m)	m	-2,0
-	Cao trình sân thượng lưu các khoang ngưỡng (-2,5m)	m	-3,0
-	Cao trình đầu sân hạ lưu các khoang ngưỡng (-1,5m)	m	-2,55
-	Cao trình đầu sân hạ lưu các khoang ngưỡng (-2,5m)	m	-3,6
2	Âu thuyền		
-	Năng lực vận tải	T	50
-	Kích thước BxL	m	8x72
-	Cao trình đáy	m	-2,5
3	Cầu giao thông và đường dẫn		
-	Cầu giao thông:		
	+ Chiều dài	m	571,25
	+ Khổ cầu	m	10
-	Đường dẫn bờ Bắc, bờ Nam:		
	+ Chiều dài đường dẫn 2 bờ	m	380
	+ Khổ đường	m	10
4	Khu quản lý		
-	Diện tích khu quản lý bờ Nam	m ²	2.352
-	Diện tích nhà điều hành	m ²	225
5	Hệ thống quan trắc giám sát		
-	Hệ thống quan trắc		Quan trắc lún
II	Thiết bị công nghệ		
1	Thiết bị cơ khí		
1.1	Cửa van cống		
	Loại cửa van		Clape
	Kích thước cửa 6 khoang bờ Bắc (ngưỡng -1,5m) (BxH)	m	31,35 x 3,1
	Kích thước cửa 9 khoang bờ Nam (ngưỡng -2,5m) (BxH)	m	31,35 x 4,2
	Thiết bị đóng mở	cái	Xi lanh thủy lực
1.2	Cửa van âu thuyền	m	
	Số lượng, kích thước cửa van đầu âu (nxBxH)	m	2x8,4x3,58
	Thiết bị đóng mở		Xi lanh thủy lực

6.2. Nội dung cải tạo, sửa chữa và giải pháp kỹ thuật:

6.2.1. Đập ngăn mặn:

a) Phần thủy công:

- Xử lý chống thấm nền đập bằng cừ thép Lassen IV từ đầu khoang số 1 đến hết khoang 15 (tổng chiều dài 495m). Kết hợp cừ thi công làm cừ chống thấm; chiều sâu phần cừ chống thấm $L=13\text{m}$.

- Sân thượng lưu bằng BTCT M300, dày 1m, dài 5m, được liên kết kín với đầu cừ chống thấm; giữa các đơn nguyên bê tông được liên kết kín bằng khớp nối; gia cố nền bằng cọc BTCT M300. Gia cố bổ sung lòng dẫn thượng lưu bằng rọ đá ($2\times 1\times 1\text{m}$) và đá hộc cũ (bóc ra từ sân thượng lưu). Xử lý các khe rỗng dưới dầm dãn van bằng hình thức phụt áp lực cao hỗn hợp cát trộn xi măng.

- Gia cố hồ xói, lòng dẫn hạ lưu công trình bằng đá hộc, lớp rọ đá trên phạm vi 24m (đối với 6 khoang bờ bắc), 44m (đối với 9 khoang bờ nam); (đoạn tiếp giáp với phần bê tông bít đáy, kích thước rọ ($2\times 1\times 1\text{m}$); đoạn tiếp theo kích thước rọ $2\times 1\times 0,5\text{m}$). Phần bê tông bít đáy hạ lưu tiếp giáp với dầm đỡ cửa van (dùng làm biện pháp thi công để làm khô hồ móng công trình), được kết hợp gia cố bảo vệ lòng dẫn hạ lưu (như kết cấu mềm, được phép nứt, chuyển vị theo nền).

b) Phần cơ khí:

b1) Cửa van các khoang đập: Thay mới 06 cửa van và đại tu, sửa chữa 09 cửa van, cụ thể:

- Thay mới 03 bộ cửa phía bờ bắc (các cửa số 1, 3, 5), cao trình đáy -1,50m, kích thước cửa van $B\times H = (31,35\times 3,1)\text{m}$ và 03 bộ cửa phía bờ nam (các cửa số 7, 10, 13), cao trình đáy -2,50m, kích thước cửa van $B\times H = (31,35\times 4,2)\text{m}$. Các cửa bằng thép không gỉ SUS304, các trục cửa bằng thép không gỉ cường độ cao S32205.

- Sửa chữa, đại tu 03 bộ cửa có cao trình đáy -1,50m (các cửa số 2, 4, 6) và 06 bộ cửa có cao trình đáy -2.50m (các cửa số 8, 9, 11, 12, 14, 15); sơn chống gỉ Epoxy; thay các trục cửa bằng thép không gỉ cường độ cao S32205, các cụm cối bị mòn.

- Thay mới toàn bộ các cụm kín nước đáy và cụm kín nước bên tại 15 cửa. Kết cấu cụm kín nước bằng thép SUS304, bu lông chịu lực bằng thép không gỉ S32205, kín nước bằng cao su tấm và cao su củ tỏi. Bố trí cụm kín nước bên và đáy thuận lợi cho việc sửa chữa, thay thế gioăng và bảo dưỡng cửa van.

- Sửa chữa, nâng cấp, đại tu hệ thống xi lanh thủy lực của 15 cửa van.

b2) Khoang âu thuyền:

- Thay mới cửa âu thượng và cửa âu hạ bằng thép không rỉ SUS304; trục cối và bu lông chịu lực được chế tạo, thay thế bằng thép không rỉ cường độ cao S32205; kín nước bằng cao su tấm và cao su củ tỏi.

- Thay mới hệ thống xilanh đóng mở cửa van chính + cửa van cấp thoát nước buồng âu (cửa van nét) + khóa (chốt) cửa.

c) Hệ thống điện điều khiển:

Sửa chữa, nâng cấp hệ thống điện điều khiển các cửa van tại công trình và nhà quản lý.

6.2.2. Các hạng mục phục vụ quản lý, vận hành:

- Sửa chữa, nâng cấp khu nhà quản lý, bờ bao kết hợp đường quản lý hai đầu đập. Chỉnh trang cầu giao thông, hệ thống chiếu sáng, biển báo....

- Xây dựng hệ thống giám sát phục vụ quản lý, vận hành công trình.

7. Tổ chức tư vấn lập báo cáo nghiên cứu khả thi: Viện Thủy công.

8. Địa điểm xây dựng: Thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

9. Nhóm dự án: Dự án nhóm B.

10. Loại, cấp công trình

- Loại công trình: Công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Cấp công trình (theo QCVN 04-05:2012/BNNT): Cấp II

11. Số bước thiết kế: Thiết kế 2 bước.

- Thiết kế cơ sở.

- Thiết kế bản vẽ thi công – dự toán.

12. Danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn

- TCVN 12845:2020 - Công trình thủy lợi - Thành phần, nội dung lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo nghiên cứu khả thi và báo cáo kinh tế kỹ thuật;

- QCVN 04-05: 2012/BNNT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia - Công trình thủy lợi - Các quy định chủ yếu về thiết kế;

- TCVN 8477: 2018 Công trình thủy lợi - Thành phần, khối lượng khảo sát địa chất trong các giai đoạn lập dự án và thiết kế;

- TCVN 8478: 2018 Công trình thủy lợi - Thành phần, khối lượng khảo sát địa hình trong các giai đoạn lập dự án và thiết kế;

- TCVN 12571: 2018 Công trình thủy lợi - Thành phần, nội dung công tác khảo sát, tính toán thủy văn trong các giai đoạn lập dự án và thiết kế;

- TCVN 9845-2013: Tính toán các đặc trưng dòng chảy lũ;

- TCVN 8419: 2010: Công trình thủy lợi - Thiết kế công trình bảo vệ bờ sông để chống lũ;
- TCVN 9902: 2016: Công trình thủy lợi - Yêu cầu thiết kế đê sông;- TCVN 8421: 2010: Công trình thủy lợi - Tải trọng và lực tác dụng lên công trình do sóng và tàu;
- TCVN 8422:2010: Công trình thủy lợi - Thiết kế tầng lọc ngược công trình thủy công;
- TCVN 9147:2012: Công trình thủy lợi - Quy trình tính toán thủy lực đập tràn;
- TCVN 4253-2012: Công trình thủy lợi - Nền các công trình thủy công - Yêu cầu thiết kế;
- TCVN 9160-2012: Công trình thủy lợi - Yêu cầu thiết kế trong dẫn dòng xây dựng;
- TCVN 8218-2009: Bê tông thủy công - Yêu cầu kỹ thuật;
- TCVN 5574-2012: Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép - Tiêu chuẩn thiết kế;
- TCVN 10304-2014: Móng cọc - Tiêu chuẩn thiết kế;
- TCVN 9143-2012: Công trình thủy lợi - Tính toán đường viền thấm dưới đất của đập trên nền không phải là đá;
- TCVN 8300-2009: Máy đóng mở kiểu xi lanh thủy lực - Yêu cầu kỹ thuật trong thiết kế, lắp đặt nghiệm thu và bàn giao;
- TCVN 8299-2009: Công trình thủy lợi - Yêu cầu thiết kế cửa van, khe van bằng thép;
- TCVN 8297-2009: Công trình thủy lợi - Yêu cầu kỹ thuật trong chế tạo, lắp ráp thiết bị cơ khí, kết cấu thép;
- TCVN 8213-2009: Tính toán và đánh giá hiệu quả kinh tế công trình thủy lợi;
- TCVN 2737-2020: Tải trọng tác động - Tiêu chuẩn thiết kế;
- Các Quy chuẩn, Tiêu chuẩn khác có liên quan.

13. Tổng mức đầu tư dự án thành phần: Tổng mức đầu tư được duyệt tính theo mặt bằng giá tháng 02 năm 2023 của tỉnh Thừa Thiên Huế là: 348.845.000.000 đồng (*Ba trăm bốn mươi tám tỷ, tám trăm bốn mươi lăm triệu đồng*)

Trong đó:

TT	Nội dung	Chi phí (đồng)
A	CHI PHÍ GIAI ĐOẠN CHUẨN BỊ DỰ ÁN	1.040.231.000
B	CHI PHÍ GIAI ĐOẠN THỰC HIỆN DỰ ÁN	347.804.769.000
1	Chi phí xây dựng	139.113.100.000
2	Chi phí thiết bị	136.366.795.000
3	Chi phí quản lý dự án	4.282.595.000
4	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	11.481.902.000
5	Chi phí khác	5.662.050.000
6	Chi phí dự phòng	50.898.327.000
	TỔNG CỘNG (A+B)	348.845.000.000

(Chi tiết xem tại Phụ lục kèm theo)

14. Tiến độ thực hiện dự án thành phần

- Chuẩn bị dự án: 2020 – 2023.
- Thực hiện dự án: 2023 – 2025.

15. Nguồn vốn đầu tư

- Vốn ngân sách Trung ương do Bộ Nông nghiệp và PTNT quản lý.

16. Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư (Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Thừa Thiên Huế) tổ chức thực hiện quản lý dự án.

17. Bồi thường giải phóng mặt bằng

- Diện tích đất sử dụng vĩnh viễn: Không.
- Diện tích đất sử dụng tạm thời: 0,5 ha.

18. Lưu ý trong giai đoạn thiết kế BVTC

- Khảo sát bổ sung địa hình, địa chất theo tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành; lựa chọn giải pháp tối ưu về kinh tế, kỹ thuật và an toàn công trình.

- Rà soát, đánh giá kỹ địa chất nền (đặc biệt là các lớp đất yếu), ổn định sườn thượng lưu, ổn định bờ khung vây để có giải pháp xử lý nền, biện pháp thi công phù hợp, bảo đảm kinh tế, kỹ thuật, an toàn trong thi công;

- Đánh giá kỹ về hiện trạng xói, sụt lún hạ lưu công trình, hiện trạng cửa van, thiết bị đóng mở, hệ thống điện điều khiển để có giải pháp thiết kế chi tiết

phù hợp, bảo đảm ổn định, bền vững lâu dài, thuận lợi cho quá trình quản lý vận hành.

- Tính toán, nghiên cứu kỹ biện pháp thi công như tháo dỡ, cầu lắp và vận chuyển cửa van cũ, lắp đặt cửa van mới (hoặc cửa van sau khi được đại tu), phương án an toàn giao thông trong quá trình thi công sửa chữa đập, đảm bảo an toàn cho công trình và đáp ứng giao thông thủy, bộ. Chủ đầu tư xin ý kiến thỏa thuận bằng văn bản của Sở Giao thông Vận tải về các nội dung trên.

- Phối hợp với Công ty TNHH NN MTV QLKTCT Thủy lợi Thừa Thiên Huế xây dựng phương án và thời gian, biện pháp thi công để không làm ảnh hưởng đến nhiệm vụ ngăn mặn, thoát lũ của công trình.

- Chủ đầu tư cần thành lập hội đồng đánh giá mức độ hư hỏng, kiểm tra đánh giá chi tiết các cửa van và hệ thống đóng mở sau khi tháo đưa lên cạn trong giai đoạn thi công (do đặc thù hệ thống đóng mở các cửa van chìm khuất dưới nước) để báo cáo Bộ quyết định cụ thể về mức độ cần sửa chữa hoặc thay mới để có điều chỉnh thiết kế phù hợp.

Điều 2. Phân giao nhiệm vụ:

a) Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Phân giao nhiệm vụ:

- Cục Thủy lợi là cơ quan chuyên môn về xây dựng, đơn vị đầu mối thẩm định, thực hiện chức năng quản lý Nhà nước giúp Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc Chủ đầu tư tổ chức quản lý thực hiện dự án theo đúng các quy định pháp luật hiện hành.

- Vụ Kế hoạch, Vụ Tài chính và các đơn vị thuộc Bộ chịu trách nhiệm xử lý các công việc liên quan đến quá trình thực hiện dự án theo chức năng nhiệm vụ được giao.

- Ban Quản lý đầu tư và xây dựng thủy lợi 2 chịu trách nhiệm thanh quyết toán giai đoạn lập Báo cáo nghiên cứu khả thi theo quy định; lưu trữ, bàn giao hồ sơ giai đoạn này cho Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Thừa Thiên Huế làm Chủ đầu tư từ giai đoạn thực hiện dự án cho đến khi kết thúc dự án và tổ chức thực hiện quản lý dự án theo đúng quy định pháp luật hiện hành.

b) Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế:

- Chỉ đạo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các Sở, Ngành liên quan, Công ty TNHH NN MTV QLKTCT Thủy lợi Thừa Thiên Huế phối hợp với chủ đầu tư tổ chức thực hiện dự án theo đúng qui định hiện hành.

- Chỉ đạo Sở Giao thông Vận tải và đơn vị quản lý cầu giao thông trên đập Thảo Long phối hợp với chủ đầu tư tổ chức thực hiện phương án an toàn giao thông (đường thủy, đường bộ), bảo đảm phương án an toàn tháo, lắp cửa van trong quá trình thi công công trình.

- Chỉ đạo tổ chức tiếp nhận bàn giao, quản lý, vận hành sau khi công trình sửa chữa hoàn thành; quản lý vật tư thu hồi theo đúng các quy định hiện hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Thủy lợi, Vụ trưởng các Vụ: Kế hoạch, Tài chính; Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Thừa Thiên Huế, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

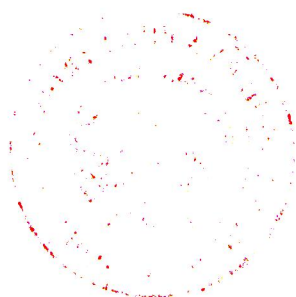
Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Bộ KH&ĐT;
- Bộ Tài chính (Vụ ĐT);
- UBND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Kho bạc NN tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Ban QLDA ĐTXD CTNN&PTNT tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Ban QLĐT&XD Thủy lợi 2;
- Các Vụ: KH, TC;
- Lưu: VT, TL. (20b)

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Nguyễn Hoàng Hiệp



Handwritten text in a non-Latin script, likely a signature or a date, located at the bottom center of the page. The script is fluid and cursive, with some characters that are difficult to decipher due to the handwriting style.

Phụ lục:

TỔNG MỨC ĐẦU TƯ

**Dự án thành phần số 8: Sửa chữa cấp bách đảm bảo an toàn
đập Thảo Long, tỉnh Thừa Thiên Huế**

Thuộc dự án Sửa chữa cấp bách đảm bảo an toàn hồ, đập chứa nước

(Kèm theo Quyết định số 1794/QĐ-BNN-TL ngày 09 tháng 5 năm 2023
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

STT	Khoản mục chi phí	Kinh phí (đồng)
A	CHI PHÍ GIAI ĐOẠN CHUẨN BỊ DỰ ÁN	1.040.231.000
B	CHI PHÍ GIAI ĐOẠN THỰC HIỆN DỰ ÁN	347.804.769.000
I	Chi phí xây dựng	139.113.100.000
II	Chi phí thiết bị	136.366.795.000
III	Chi phí quản lý dự án	4.282.595.000
IV	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	11.481.902.000
1	Chi phí khảo sát, lập thiết kế BVTC	6.334.135.000
2	Chi phí cập nhật, rà soát lập bổ sung Quy trình vận hành (tạm tính)	490.000.000
3	Chi phí thẩm tra thiết kế BVTC	193.227.000
4	Chi phí thẩm tra dự toán công trình	143.861.000
5	Chi phí giám sát thi công xây dựng, thiết bị	2.465.099.000
6	Chi phí giám sát khảo sát xây dựng	15.522.000
7	Chi phí Lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu	288.436.000
8	Chi phí thẩm định hồ sơ mời thầu, kết quả lựa chọn nhà thầu	208.459.000
9	Chi phí thẩm định giá thiết bị cơ khí (tạm tính)	300.000.000
10	Chi phí kiểm định chất lượng công trình (tạm tính)	490.000.000
11	Chi phí quy đổi vốn đầu tư xây dựng	223.163.000
12	Các chi phí tư vấn khác (tạm tính)	330.000.000
V	Chi phí khác	5.662.050.000
1	Phí thẩm định dự án đầu tư	15.279.000
2	Bảo hiểm công trình	2.754.799.000
3	Phí thẩm định thiết kế BVTC	21.838.000
4	Phí thẩm định dự toán	21.358.000
5	Chi phí kiểm tra công tác nghiệm thu bàn giao công trình (tạm tính)	450.000.000
6	Chi phí kiểm toán độc lập	919.470.000

STT	Khoản mục chi phí	Kinh phí (đồng)
7	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán	279.306.000
8	Chi phí Hội đồng chuyên gia kiểm tra, đánh giá chất lượng các hạng mục cơ khí, cửa van, thiết bị nâng hạ (tạm tính)	300.000.000
9	Chi phí đảm bảo an toàn công trình trong quá trình thi công và biện pháp đảm bảo an toàn giao thông đường thủy, đường bộ (tạm tính)	900.000.000
VI	Chi phí dự phòng	50.898.327.000
	TỔNG CỘNG (A + B)	348.845.000.000

